

Số: /2023/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO 3**THÔNG TƯ**

Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới và Nghị định số 30/2023/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; Nghị định số 30/2023/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ và Môi trường, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới và Nghị định số 30/2023/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới (sau đây viết tắt là Nghị định số 139/2018/NĐ-CP) và Nghị

định số 30/2023/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới (sau đây viết tắt là Nghị định số 30/2023/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, hoạt động kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.

2. Thông tư này không áp dụng đối với các Cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện kiểm định xe cơ giới sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh.

Điều 3. Thành lập đơn vị đăng kiểm

1. Khi có nhu cầu đầu tư xây dựng đơn vị đăng kiểm thì tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm phải có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư, trong đó nêu rõ vị trí dự kiến xây dựng đơn vị đăng kiểm.

2. Vị trí xây dựng đơn vị đăng kiểm phải đảm bảo phù hợp với mục đích, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại địa phương và đảm bảo mật độ các đơn vị đăng kiểm trên địa bàn, các tỉnh thành phố liền kề trong khu vực phân bố đồng đều, phù hợp theo hướng giảm cự ly di chuyển của phương tiện đến các đơn vị đăng kiểm, đặc biệt tại vùng sâu, vùng xa và hải đảo.

3. Đối với đơn vị đăng kiểm thành lập mới hoặc đơn vị đăng kiểm đang hoạt động thay đổi địa điểm thì địa phương căn cứ yêu cầu tại khoản 1, khoản 2 Điều này để xem xét, quyết định.

4. Đối với đơn vị đăng kiểm đang hoạt động chỉ thực hiện đầu tư nâng cấp, lắp đặt thêm dây chuyền kiểm định thì không áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều này.

5. Các cơ sở bảo hành, bảo dưỡng, đơn vị kinh doanh vận tải được bổ sung ngành nghề kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới hoặc ngược lại nhưng phải đảm bảo đáp ứng các điều kiện quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới tại Nghị định số 139/2018/NĐ-CP và Nghị định số 30/2023/NĐ-CP.

6. Hoạt động kiểm định phải đảm bảo tính độc lập, khách quan, minh bạch, không bị chi phối bởi bất cứ yếu tố nào làm ảnh hưởng đến kết quả kiểm định.

Chương II

KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH XE CƠ GIỚI

Điều 4. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động

kiểm định xe cơ giới

Sau khi hoàn thành việc đầu tư, xây dựng theo quy định của pháp luật, tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới gửi về Sở Giao thông vận tải, trong đó Danh sách trích ngang nhân lực của đơn vị theo mẫu quy định tại Phụ lục II và Bản đối chiếu các quy định về cơ sở vật chất, dây chuyền kiểm định theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này tùy theo các trường hợp dưới đây:

1. Đơn vị đăng kiểm được xây dựng, thành lập mới thì Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 30/2023/NĐ-CP.

2. Đơn vị đăng kiểm đang hoạt động thực hiện lắp đặt thêm, thay đổi loại dây chuyền kiểm định thì hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới gồm các tài liệu quy định tại điểm a, điểm c, điểm d Điều 8 Nghị định số 139/2018/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 8 Điều 1 Nghị định số 30/2023/NĐ-CP).

Điều 5. Kiểm tra, đánh giá cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới

Sở Giao thông vận tải thành lập đoàn kiểm tra, trong đoàn phải có tối thiểu một thành viên đã hoàn thành khóa tập huấn nghiệp vụ kiểm tra, đánh giá hoạt động kiểm định xe cơ giới quy định tại Chương IV của Thông tư này. Đoàn kiểm tra thực hiện kiểm tra, đánh giá cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới gồm các nội dung sau:

1. Kiểm tra, đánh giá mặt bằng đơn vị, xưởng kiểm định, thiết bị thông tin lưu trữ số liệu và trang thiết bị khác: rà soát, đối chiếu thông tin mặt bằng của đơn vị đăng kiểm, xưởng kiểm định, thiết bị lưu trữ thông tin và trang thiết bị khác so với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đơn vị đăng kiểm và ghi vào biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Kiểm tra, đánh giá thiết bị, dụng cụ kiểm tra: kiểm tra tình trạng hoạt động của thiết bị, dụng cụ kiểm tra; việc thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị theo quy định pháp luật về đo lường và ghi vào biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Cơ cấu tổ chức, nhân lực:

a) Kiểm tra tài liệu thể hiện cơ cấu tổ chức của đơn vị đăng kiểm quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 30/2023/NĐ-CP (sơ đồ tổ chức, quyết định thành lập do lãnh đạo đơn vị đăng kiểm hoặc lãnh đạo tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm hoặc do cơ quan quản lý đơn vị đăng kiểm ban hành theo thẩm

quyền).

b) Đối chiếu thông tin của Lãnh đạo đơn vị, phụ trách bộ phận kiểm định, đảng viên, nhân viên nghiệp vụ trong danh sách trích ngang tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này so với hồ sơ lưu tại đơn vị.

4. Quy trình kiểm định của đơn vị đăng kiểm phải thể hiện đầy đủ quá trình thực hiện kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

5. Hoạt động của dây chuyền kiểm định: sử dụng phương tiện phù hợp với từng loại dây chuyền để kiểm tra, đánh giá sự hoạt động của dây chuyền, việc sử dụng các phần mềm, việc kết nối dữ liệu với phần mềm quản lý của Cục Đăng kiểm Việt Nam; hoạt động của hệ thống giám sát quá trình kiểm định. Kết quả kiểm tra, đánh giá được ghi vào biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Kiểm tra việc mở các sổ theo dõi, quản lý theo quy định.

7. Kết quả kiểm tra, đánh giá được ghi theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 30/2023/NĐ-CP trên cơ sở tổng hợp kết quả từ các biên bản kiểm tra, đánh giá do thành viên trong đoàn đã lập.

Điều 6. Kiểm tra, đánh giá việc duy trì điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới

Trên cơ sở quản lý rủi ro, Sở Giao thông vận tải xây dựng kế hoạch thực hiện kiểm tra, đánh giá việc duy trì các điều kiện về cơ sở vật chất, nhân lực và hoạt động kiểm định của đơn vị đăng kiểm, gồm các nội dung sau:

1. Kiểm tra, đánh giá mặt bằng đơn vị, xưởng kiểm định, thiết bị thông tin lưu trữ số liệu và trang thiết bị khác: rà soát, đối chiếu thông tin mặt bằng của đơn vị đăng kiểm, xưởng kiểm định, thiết bị lưu trữ thông tin và trang thiết bị khác so với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đơn vị đăng kiểm và đối chiếu so sánh với lần đánh giá gần nhất để xem xét sự thay đổi và ghi vào biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Kiểm tra, đánh giá thiết bị, dụng cụ kiểm tra: kiểm tra tình trạng hoạt động của thiết bị, dụng cụ kiểm tra; việc thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị theo quy định pháp luật về đo lường và ghi vào biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Kiểm tra nhân lực và việc thực hiện quy trình kiểm định

a) Rà soát, kiểm tra việc duy trì về cơ cấu tổ chức, nhân sự của đơn vị đăng kiểm theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư này;

b) Kiểm tra việc phân công nhiệm vụ, việc thực hiện nhiệm vụ của đảng

kiểm viên với nội dung được thực hiện ghi trên chứng chỉ đăng kiểm viên;

c) Kết quả kiểm tra, đánh giá được ghi vào biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Kiểm tra, đánh giá hồ sơ và dữ liệu: đánh giá việc tuân thủ các quy định có liên quan trong việc kiểm định của cá nhân, đơn vị thông qua kiểm tra hồ sơ và dữ liệu lưu trữ (theo phương pháp xác suất tối thiểu 03 tháng, mỗi tháng kiểm tra tối thiểu 10 hồ sơ, trong đó phải đảm bảo đầy đủ các loại hồ sơ do đơn vị đăng kiểm đã thực hiện); dữ liệu lưu trữ camera IP giám sát; kết quả kiểm tra, đánh giá được ghi vào biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Kiểm tra, đánh giá sổ theo dõi, chế độ báo cáo và quản lý, sử dụng ấn chỉ: kiểm tra việc quản lý, sử dụng các loại sổ quy định tại khoản 6 Điều 6 Thông tư này; chế độ báo cáo, truyền dữ liệu; việc quản lý, sử dụng ấn chỉ; kết quả kiểm tra, đánh giá được ghi vào biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Phúc tra kết quả kiểm định

a) Trường hợp phương tiện đang có mặt tại đơn vị đăng kiểm: lựa chọn trong số các phương tiện đã được đơn vị đăng kiểm kiểm tra, đánh giá và ghi nhận kết quả kiểm tra để thực hiện việc kiểm tra đánh giá lại tình trạng kỹ thuật của phương tiện theo quy định và so sánh với kết luận kiểm tra đánh giá của đơn vị đăng kiểm;

b) Trong trường hợp phương tiện không có mặt tại đơn vị đăng kiểm: nếu phát hiện có dấu hiệu đơn vị đăng kiểm bỏ qua lỗi kỹ thuật của phương tiện nhưng vẫn cấp Giấy chứng nhận, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường thì phối hợp với cơ quan chức năng để thực hiện việc phúc tra lại tình trạng kỹ thuật của phương tiện.

7. Kết quả kiểm tra, đánh giá được ghi theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 30/2023/NĐ-CP trên cơ sở tổng hợp kết quả từ các biên bản kiểm tra, đánh giá do thành viên trong đoàn đã lập.

Điều 7. Kiểm tra đột xuất hoạt động kiểm định xe cơ giới

1. Cục Đăng kiểm Việt Nam, Sở Giao thông vận tải căn cứ chức năng, nhiệm vụ ban hành quyết định và tiến hành kiểm tra đột xuất đối với đơn vị đăng kiểm trong các trường hợp sau:

a) Khi có phản ánh, khiếu nại có cơ sở về vi phạm trong hoạt động kiểm định;

b) Có văn bản yêu cầu của các cơ quan chức năng;

c) Khi phát hiện có dấu hiệu bất thường trong hoạt động kiểm định (thông qua hệ thống giám sát, phân tích cơ sở dữ liệu kiểm định).

2. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này, Cục Đăng kiểm Việt Nam, Sở Giao thông vận tải quyết định các nội dung cần kiểm tra. Trường hợp đơn vị đăng kiểm vi phạm các quy định về hoạt động kiểm định xe cơ giới thì cơ quan quản lý xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

Điều 8. Lưu trữ hồ sơ kiểm tra, đánh giá

1. Hồ sơ kiểm tra, đánh giá cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới bao gồm hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới, biên bản kiểm tra, đánh giá và các tài liệu kèm theo (nếu có) được lưu trữ tại đơn vị đăng kiểm và Sở Giao thông vận tải làm cơ sở để kiểm tra, đánh giá việc duy trì điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.

2. Hồ sơ kiểm tra, đánh giá việc duy trì và kiểm tra đột xuất các điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới bao gồm biên bản kiểm tra, đánh giá và các tài liệu kèm theo (nếu có) được lưu trữ tại đơn vị đăng kiểm và Sở Giao thông vận tải trong thời hạn tối thiểu 05 năm.

Chương III

ĐĂNG KIỂM VIÊN VÀ NHÂN VIÊN NGHIỆP VỤ

MỤC 1: TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM VIÊN VÀ NHÂN VIÊN NGHIỆP VỤ

Điều 9. Điều kiện tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ

1. Người tham gia tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên (sau đây gọi là học viên) đáp ứng quy định tại điểm a khoản 13 Điều 1 Nghị định số 30/2023/NĐ-CP và điểm d khoản 1 Điều 14 của Nghị định số 139/2018/NĐ-CP được tham gia tập huấn lý thuyết nghiệp vụ đăng kiểm viên xe cơ giới và thực hành nghiệp vụ kiểm định xe cơ giới theo quy định tại Điều 10, Điều 11 Thông tư này.

2. Trong quá trình giữ hạng, đăng kiểm viên phải tham gia tập huấn cập nhật, bổ sung nghiệp vụ kiểm định xe cơ giới khi có sự thay đổi về tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định của pháp luật có liên quan và tiến bộ khoa học kỹ thuật trong công tác kiểm định xe cơ giới.

3. Người tham gia tập huấn nhân viên nghiệp vụ phải đáp ứng quy định tại khoản 18 Điều 1 Nghị định số 30/2023/NĐ-CP được tập huấn theo quy định tại Điều 12 Thông tư này.

Điều 10. Tập huấn lý thuyết nghiệp vụ đăng kiểm viên xe cơ giới

Học viên được tập huấn lý thuyết nghiệp vụ đăng kiểm viên xe cơ giới bao

gồm các nội dung sau:

1. Tổng quan: lịch sử hình thành, xây dựng và phát triển hệ thống kiểm định xe cơ giới; đạo đức nghề nghiệp; kỹ năng giao tiếp; quy định về trách nhiệm và xử lý vi phạm trong công tác kiểm định; cung ứng dịch vụ công về lĩnh vực đăng kiểm; quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm xe cơ giới;
2. Văn bản pháp lý: các văn bản quy phạm pháp luật, hướng dẫn nghiệp vụ trong hoạt động kiểm định xe cơ giới;
3. Tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình trong công tác kiểm định;
4. Hướng dẫn sử dụng thiết bị kiểm tra;
5. Hướng dẫn kiểm tra xe cơ giới theo hạng mục kiểm tra, phương pháp kiểm tra; công đoạn và quy trình kiểm tra xe cơ giới; đánh giá kết quả kiểm tra;
6. Hướng dẫn sử dụng chương trình, phần mềm quản lý kiểm định xe cơ giới, tra cứu thông tin phương tiện.
7. Thực hiện việc kiểm tra kết quả tập huấn lý thuyết nghiệp vụ đăng kiểm viên xe cơ giới, trường hợp đạt thì được cấp Giấy xác nhận hoàn thành chương trình tập huấn lý thuyết nghiệp vụ đăng kiểm viên xe cơ giới theo mẫu quy định tại Phụ lục X. Trường hợp không đạt thì được kiểm tra lại trong vòng 15 ngày làm việc.

Điều 11. Thực hành kiểm định xe cơ giới tại đơn vị đăng kiểm

1. Học viên sau khi được cấp Giấy xác nhận hoàn thành chương trình tập huấn lý thuyết nghiệp vụ đăng kiểm viên xe cơ giới, trong thời gian không quá 30 ngày kể từ ngày được cấp Giấy xác nhận phải liên hệ và tiến hành thực hành kiểm định xe cơ giới tại đơn vị đăng kiểm.
2. Trong thời gian thực hành, học viên phải thực hành các nội dung sau: kiểm tra 05 công đoạn trên dây chuyền kiểm định, sử dụng thiết bị kiểm tra và các chương trình, phần mềm quản lý kiểm định xe cơ giới.
3. Học viên phải lập báo cáo thực tập nghiệp vụ đăng kiểm viên xe cơ giới theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này. Đơn vị đăng kiểm hướng dẫn thực tập căn cứ báo cáo thực tập để xác nhận văn bản thực tập cho học viên.
4. Lãnh đạo đơn vị đăng kiểm phân công đăng kiểm viên hướng dẫn thực hành và chịu trách nhiệm về nội dung thực hành của học viên tại đơn vị đăng kiểm với số lượng xe thực hành như sau:
 - a) Đối với thời gian thực tập 12 tháng: tối thiểu 400 xe/mỗi công đoạn của nhiều loại xe khác nhau (có thể thực tập nhiều công đoạn trên một xe), trong đó

mỗi công đoạn thực tập tối thiểu 100 xe tải, 100 xe khách. Riêng việc lập hồ sơ phương tiện phải được thực hiện tối thiểu đối với 400 xe;

b) Đối với thời gian thực tập 06 tháng: tối thiểu 200 xe/mỗi công đoạn của nhiều loại xe khác nhau (có thể thực tập nhiều công đoạn trên một xe), trong đó mỗi công đoạn thực tập tối thiểu 50 xe tải, 50 xe khách. Riêng việc lập hồ sơ phương tiện phải được thực hiện tối thiểu đối với 200 xe;

c) Đối với thời gian thực tập 03 tháng: tối thiểu 100 xe/mỗi công đoạn của nhiều loại xe khác nhau (có thể thực tập nhiều công đoạn trên một xe), trong đó mỗi công đoạn thực tập tối thiểu 25 xe tải, 25 xe khách. Riêng việc lập hồ sơ phương tiện phải được thực hiện tối thiểu đối với 100 xe.

5. Người hướng dẫn thực tập phải là đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao hoặc đăng kiểm viên xe cơ giới có kinh nghiệm tối thiểu 36 tháng. Học viên được kiểm tra và đánh giá xe cơ giới vào kiểm định dưới sự hướng dẫn, giám sát của người hướng dẫn thực tập; người hướng dẫn thực tập phải chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá tình trạng kỹ thuật xe cơ giới vào kiểm định.

6. Các công đoạn kiểm tra phương tiện trên đây chuyên kiểm định bao gồm:

- a) Công đoạn 1: lập hồ sơ phương tiện và kiểm tra nhận dạng, tổng quát;
- b) Công đoạn 2: kiểm tra phần trên của phương tiện;
- c) Công đoạn 3: kiểm tra hiệu quả phanh và trượt ngang;
- d) Công đoạn 4: kiểm tra môi trường;
- đ) Công đoạn 5: kiểm tra phần dưới của phương tiện.

Điều 12. Tập huấn nhân viên nghiệp vụ

1. Tập huấn lý thuyết

a) Tổng quan: lịch sử hình thành, xây dựng và phát triển hệ thống kiểm định xe cơ giới; đạo đức nghề nghiệp; kỹ năng giao tiếp; quy định về trách nhiệm và xử lý vi phạm trong công tác kiểm định; quản lý cung ứng dịch vụ công về lĩnh vực đăng kiểm; quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm xe cơ giới;

b) Văn bản pháp lý: các quy định, hướng dẫn nghiệp vụ; yêu cầu về hồ sơ kiểm định; trình tự thực hiện kiểm định; phân loại phương tiện; giá, phí và lệ phí kiểm định; quản lý hồ sơ, báo cáo, truyền số liệu kiểm định.

2. Hướng dẫn thực hành: hướng dẫn sử dụng các chương trình, phần mềm quản lý kiểm định xe cơ giới.

3. Thực hiện việc kiểm tra, đánh giá kết quả tập huấn nghiệp vụ, trường

hợp đạt thì được cấp Giấy xác nhận hoàn thành chương trình tập huấn lý thuyết nghiệp vụ theo mẫu quy định tại Phụ lục XI và được công bố danh sách trên Trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam. Trường hợp không đạt thì được kiểm tra, đánh giá lại trong vòng 15 ngày làm việc.

MỤC 2: ĐÁNH GIÁ NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM VIÊN

Điều 13. Đánh giá nghiệp vụ đăng kiểm viên xe cơ giới

Sau khi tiếp nhận đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ đăng kiểm viên xe cơ giới, Cục Đăng kiểm Việt Nam tổ chức đánh giá lý thuyết, thực hành 05 công đoạn kiểm tra trên dây chuyền kiểm định:

1. Trường hợp cấp chứng chỉ đăng kiểm viên xe cơ giới lần đầu, cấp lại chứng chỉ đăng kiểm viên xe cơ giới khi hết hiệu lực, học viên có kết quả kiểm tra lý thuyết đạt yêu cầu và có kết quả đánh giá thực hành đạt từ 3 công đoạn trở lên đủ điều kiện cấp chứng chỉ. Kết quả kiểm tra, đánh giá được ghi nhận theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 139/2018/NĐ-CP.

2. Trường hợp đăng kiểm viên xe cơ giới có kết quả đánh giá đạt yêu cầu nhưng phần đánh giá thực hành không đạt đủ 05 công đoạn, tổ chức, cá nhân được đề nghị đánh giá bổ sung những công đoạn không đạt sau 06 tháng kể từ ngày đánh giá gần nhất.

3. Đăng kiểm viên xe cơ giới chỉ được thực hiện kiểm tra các công đoạn ghi trên chứng chỉ đăng kiểm viên xe cơ giới.

Điều 14. Tập huấn, đánh giá nghiệp vụ đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao

1. Điều kiện tham gia tập huấn, đánh giá để cấp chứng chỉ đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao lần đầu

Đăng kiểm viên xe cơ giới đáp ứng quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 14 Nghị định số 139/2018/NĐ-CP và chứng chỉ đăng kiểm viên được thực hiện kiểm tra 05 công đoạn trong kiểm định xe cơ giới.

2. Căn cứ vào nhu cầu của các đơn vị đăng kiểm, Cục Đăng kiểm Việt Nam thông báo kế hoạch đánh giá đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao để cấp chứng chỉ đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao. Trước khi đánh giá nghiệp vụ đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao, đăng kiểm viên xe cơ giới được tập huấn các nội dung sau:

a) Văn bản pháp lý: cập nhật các quy định, hướng dẫn nghiệp vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong kiểm định và kiểm tra chứng nhận kiểu loại xe cơ giới;

b) Nghiệp vụ kỹ thuật: phân tích kết cấu; chẩn đoán trạng thái kỹ thuật, hư

hồng và nguyên nhân hư hỏng của các chi tiết, hệ thống, tổng thành xe cơ giới và biện pháp khắc phục; quy định chung về cải tạo xe cơ giới; cập nhật công nghệ mới được trang bị trên xe cơ giới; nội dung, phương pháp và thiết bị kiểm tra mới trong công tác kiểm định;

c) Các chuyên đề: khuyến nghị của Tổ chức kiểm định ô tô quốc tế trong công tác kiểm định, quản lý chất lượng các đơn vị đăng kiểm; an toàn giao thông và giám định tai nạn giao thông đường bộ; các yêu cầu về hướng dẫn thực tập nghiệp vụ đăng kiểm viên xe cơ giới.

3. Đăng kiểm viên có kết quả kiểm tra lý thuyết đạt yêu cầu và có kết quả đánh giá thực hành đạt đủ 06 nội dung (theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 139/2018/NĐ-CP) được cấp chứng chỉ đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao. Trường hợp không đủ điều kiện cấp chứng chỉ đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao nhưng có kết quả kiểm tra lý thuyết đạt yêu cầu và có kết quả đánh giá thực hành đạt từ 03 công đoạn trở lên thì được đề nghị sử dụng kết quả đánh giá để cấp chứng chỉ đăng kiểm viên xe cơ giới.

4. Việc đánh giá để cấp lại chứng chỉ đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao khi chứng chỉ hết hiệu lực được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 15. Người đánh giá nghiệp vụ đăng kiểm viên

Người đánh giá nghiệp vụ đăng kiểm viên phải là đăng kiểm viên thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam, có kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực đăng kiểm xe cơ giới tối thiểu 05 năm. Việc đánh giá đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao phải do đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao thực hiện.

Chương IV

TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH XE CƠ GIỚI

Điều 16. Tập huấn nghiệp vụ kiểm tra, đánh giá hoạt động kiểm định xe cơ giới

1. Tập huấn lý thuyết nghiệp vụ kiểm tra, đánh giá

Căn cứ kế hoạch hàng năm và nhu cầu thực tế, Cục Đăng kiểm Việt Nam tổ chức tập huấn nghiệp vụ kiểm tra, đánh giá hoạt động kiểm định xe cơ giới cho Sở Giao thông vận tải hoặc đơn vị đăng kiểm. Nội dung tập huấn lý thuyết nghiệp vụ gồm:

a) Tổng quan: lịch sử hình thành, xây dựng và phát triển hệ thống kiểm định xe cơ giới, tổ chức kiểm định xe cơ giới; đạo đức nghề nghiệp; quy định về trách nhiệm và xử lý vi phạm trong công tác kiểm định; quản lý cung ứng dịch vụ công về lĩnh vực đăng kiểm; quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực

vực đăng kiểm xe cơ giới;

b) Văn bản pháp lý: các văn bản quy phạm pháp luật, hướng dẫn nghiệp vụ trong hoạt động kiểm định xe cơ giới;

c) Hướng dẫn kiểm tra, đánh giá cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới;

d) Hướng dẫn kiểm tra, đánh giá việc duy trì điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới;

đ) Hướng dẫn kiểm tra đột xuất hoạt động kiểm định xe cơ giới;

e) Hướng dẫn sử dụng chương trình, phần mềm quản lý kiểm định xe cơ giới, tra cứu thông tin phương tiện;

g) Hướng dẫn phúc tra kết quả kiểm định xe cơ giới.

2. Thực hành kiểm tra, đánh giá

Sau khi hoàn thành tập huấn lý thuyết nghiệp vụ, người tham gia tập huấn được tập huấn thực hành nghiệp vụ kiểm tra, đánh giá các điều kiện tại đơn vị đăng kiểm, nội dung tập huấn quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7 Thông tư này và việc phúc tra kết quả kiểm định.

3. Kiểm tra, đánh giá

Kết thúc lớp tập huấn, học viên được kiểm tra, đánh giá lý thuyết và thực hành. Kết quả đạt yêu cầu khi đạt cả nội dung lý thuyết và thực hành, được cấp Giấy xác nhận hoàn thành chương trình tập huấn nghiệp vụ kiểm tra, đánh giá hoạt động kiểm định xe cơ giới theo mẫu quy định tại Phụ lục XII và được công bố trên Trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam. Trường hợp không đạt, được kiểm tra, đánh giá lại trong vòng 15 ngày làm việc.

Điều 17. Tập huấn cập nhật, bổ sung nghiệp vụ kiểm tra, đánh giá hoạt động kiểm định xe cơ giới

Khi có sự thay đổi về quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định của pháp luật có liên quan; công nghệ mới được trang bị trên xe cơ giới; nội dung, phương pháp, tiến bộ khoa học kỹ thuật và thiết bị kiểm tra mới trong công tác kiểm định xe cơ giới thì Cục Đăng kiểm Việt Nam tổ chức tập huấn cập nhật, bổ sung nghiệp vụ kiểm tra, đánh giá.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Trách nhiệm của Cục Đăng kiểm Việt Nam

1. Thực hiện các trách nhiệm quy định tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 30/2023/NĐ-CP.

2. Căn cứ nhu cầu của các Sở Giao thông vận tải, đơn vị đăng kiểm, tổ chức và cá nhân có liên quan để xây dựng kế hoạch, chương trình, tài liệu tập huấn, tổ chức tập huấn nghiệp vụ kiểm tra, đánh giá hoạt động kiểm định xe cơ giới.

3. Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra việc quản lý hoạt động kiểm định xe cơ giới của các Sở Giao thông vận tải địa phương.

4. Báo cáo Bộ Giao thông vận tải về hoạt động kiểm định xe cơ giới trước ngày 01 tháng 01 và ngày 01 tháng 7 hàng năm và khi có yêu cầu.

Điều 19. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

1. Thực hiện các trách nhiệm quy định tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 30/2023/NĐ-CP.

2. Cử người tham gia tập huấn, tập huấn cập nhật bổ sung nghiệp vụ kiểm tra, đánh giá hoạt động kiểm định xe cơ giới.

3. Chủ trì thực hiện kiểm tra, đánh giá việc duy trì các điều kiện về cơ sở vật chất, nhân lực và hoạt động kiểm định. Trong trường hợp chưa thực hiện được thì đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam tham gia phối hợp.

4. Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày kết thúc việc thực hiện quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7 báo cáo kết quả thực hiện quản lý hoạt động kiểm định xe cơ giới trên địa bàn về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Giao thông vận tải (thông qua Cục Đăng kiểm Việt Nam).

5. Báo cáo Cục Đăng kiểm Việt Nam về hoạt động kiểm định xe cơ giới tại địa phương trước ngày 01 tháng 6 và ngày 01 tháng 12 hàng năm hoặc khi có yêu cầu.

6. Gửi Hồ sơ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 8 Thông tư này dưới dạng điện tử (định dạng pdf) về Cục Đăng kiểm Việt Nam để theo dõi, quản lý.

Điều 20. Trách nhiệm của đơn vị đăng kiểm

1. Thực hiện các trách nhiệm quy định tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 30/2023/NĐ-CP.

2. Cử người tham gia tập huấn, tập huấn cập nhật bổ sung nghiệp vụ kiểm tra, đánh giá hoạt động kiểm định xe cơ giới.

3. Định kỳ hàng tháng báo cáo kết quả hoạt động kiểm định xe cơ giới về Sở Giao thông vận tải địa phương. Báo cáo Cục Đăng kiểm Việt Nam, Sở Giao thông vận tải khi có yêu cầu.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2023 và thay thế Thông tư số 18/2019/TT-BGTVT ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.

2. Yêu cầu về thành phần trong đoàn kiểm tra, đánh giá quy định tại Điều 5 Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

Điều 22. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ GTVT;
- Lưu: VT, KHCN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Đình Thọ

Phụ lục I**BÁO CÁO THỰC TẬP NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM VIÊN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BGTVT ngày tháng năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BÁO CÁO THỰC TẬP NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM VIÊN XE CƠ GIỚI**

(Báo cáo hàng tháng)

Kính gửi:¹

Họ và tên:

Đơn vị công tác:

Đơn vị đăng kiểm thực tập:

Người hướng dẫn thực tập:

Thời gian : từ..... đến....

I. Thực tập kiểm tra các phương tiện dưới sự giám sát của người hướng dẫn thực tập

TT	Loại xe	Biển số	Nội dung Kiểm tra	Kết quả Đạt/không đạt	Lý do
1					
2					
...					

II. Đánh giá của người hướng dẫn thực tập

1. Thực hiện các nội dung kiểm tra:
2. Phương pháp kiểm tra:
3. Số lượng phương tiện học viên kết luận đúng tình trạng kỹ thuật của xe:
4. Lập hồ sơ phương tiện:
5. Sử dụng các chương trình, phần mềm quản lý kiểm định xe cơ giới:
6. Sử dụng thiết bị kiểm tra:
7. Yêu cầu học viên cần thực hiện:

NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC TẬP

(Ký, ghi rõ họ tên)

HỌC VIÊN

(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Lãnh đạo đơn vị nơi học viên thực tập.

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO THỰC TẬP NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM VIÊN XE CƠ GIỚI

(*Báo cáo tổng hợp kết quả thực tập*)

Kính gửi:²

Họ và tên:..... Đơn vị công tác:.....

Đơn vị đăng kiểm thực tập:.....

Thời gian thực tập: từ..... đến.....

1. Đánh giá của người hướng dẫn thực tập

Thực hiện kiểm định các công đoạn

Nội dung thực tập	Nhận xét của người hướng dẫn thực tập (ghi đạt hoặc không đạt)
<p><u>Công đoạn 1 - Lập HSPT</u> Thời gian từ... đến..... Số lượng xe đã thực tập kiểm tra: - Xe khách..... xe - Xe tải..... xe - Xe con..... xe - Xe loại khác.....xe</p>	<p>- Nội dung kiểm tra: - Thao tác: - Đánh giá kết quả: - Nhận xét khác: Người hướng dẫn thực tập nhận xét (<i>Ký, ghi rõ họ tên</i>)</p>

² Lãnh đạo đơn vị nơi học viên thực tập.

<p><u>Công đoạn 2</u> Thời gian từ.... đến..... Số lượng xe đã thực tập kiểm tra:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xe khách..... xe - Xe tải..... xe - Xe con..... xe - Xe loại khác..... xe 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung kiểm tra: - Thao tác: - Đánh giá kết quả: - Nhận xét khác: <p>Người hướng dẫn thực tập nhận xét <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i></p>
<p><u>Công đoạn 3</u> Thời gian từ.... đến..... Số lượng xe đã thực tập kiểm tra:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xe khách..... xe - Xe tải..... xe - Xe con..... xe - Xe loại khác..... xe 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung kiểm tra: - Thao tác: - Đánh giá kết quả: - Nhận xét khác: <p>Người hướng dẫn thực tập nhận xét <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i></p>
<p><u>Công đoạn 4</u> Thời gian từ..... đến..... Số lượng xe đã thực tập kiểm tra</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xe khách..... xe - Xe tải..... xe - Xe con..... xe - Xe loại khác..... xe 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung kiểm tra: - Thao tác: - Đánh giá kết quả: - Nhận xét khác: <p>Người hướng dẫn thực tập nhận xét <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i></p>
<p><u>Công đoạn 5</u> Thời gian từ..... đến..... Số lượng xe đã thực tập kiểm tra:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xe khách..... xe - Xe tải..... xe - Xe con..... xe - Xe loại khác..... xe 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung kiểm tra: - Thao tác: - Đánh giá kết quả: - Nhận xét khác: <p>Người hướng dẫn thực tập nhận xét <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i></p>
<p><u>Các nội dung khác:</u></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung kiểm tra:

	<ul style="list-style-type: none"> - Thao tác: - Đánh giá kết quả: - Nhận xét khác: <p>Người hướng dẫn thực tập nhận xét (Ký, ghi rõ họ tên)</p>
--	---

2. Nhận xét của lãnh đạo đơn vị đăng kiểm

- Về chuyên môn nghiệp vụ:
- Chấp hành kỷ luật, nội quy của đơn vị đăng kiểm:
- Ý kiến khác:
- Kết luận: *học viên đạt/không đạt yêu cầu, đủ/không đủ khả năng tham gia đánh giá để cấp chứng chỉ đăng kiểm viên xe cơ giới lần đầu.*

XÁC NHẬN CỦA
LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM
(Ký tên, đóng dấu)

HỌC VIÊN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục II
MẪU DANH SÁCH TRÍCH NGANG

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BGTVT ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Đơn vị ĐK XCG...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TRÍCH NGANG

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Số CCCD	Chức danh	Mã số ĐKV	Kỷ luật trong kỳ	Điện thoại	Ghi chú
1								
2								
3								
4								
5								
6								
...								

....., ngày... tháng... năm...

ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM

Phụ lục III
MẪU BẢN ĐỐI CHIẾU CÁC QUY ĐỊNH VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, DÂY CHUYỀN
KIỂM ĐỊNH THEO QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
(Ban hành kèm theo Thông tư số/2023/TT-BGTVT ngày tháng năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

.....(2).....

.....(3).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

BẢN ĐỐI CHIẾU CÁC QUY ĐỊNH KỸ THUẬT VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, DÂY CHUYỀN
KIỂM ĐỊNH THEO QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA

Kính gửi:..... (1).....

Kết quả đối chiếu các quy định kỹ thuật của quy chuẩn với cơ sở vật chất, dây chuyền kiểm định.....(3)..... như sau:

TT	Tiêu chí phân loại	Đơn vị tính	Quy định	Theo thực tế
1	Diện tích mặt bằng xây dựng Đơn vị:	m ²		
2	Kích thước thông xe của xưởng kiểm định (DxRx C)	m		
3	Khoảng cách giữa tâm các dây chuyền Dây chuyền số 1 đến dây chuyền số 2: Dây chuyền số 2 đến dây chuyền số 3: ...	m m		
4	Khoảng cách giữa tâm dây chuyền ngoài cùng đến mặt trong tường bao gần nhất của xưởng:	m		
5	Dây chuyền số 1: Dây chuyền loại:...			
	5.1. Khu vực kiểm tra đèn chiếu sáng phía trước			
	Khu vực đánh dấu trên sàn:	m		
	Độ bằng phẳng:	mm		
	Khoảng trống trước màn hình đo đèn:	m		
	Độ dài đường ray:	m		
	5.2. Khu vực kiểm tra phanh			
	Khu vực đánh dấu trên sàn:	m		
	Độ bằng phẳng:	mm		
	5.3. Khu vực kiểm tra gầm			

	Chiều dài làm việc:	m		
	Chiều rộng làm việc:	m		
	Độ sâu:	m		
	Số lượng lối lên xuống:			
	Chiều cao gờ bảo vệ:	m		
	Khoảng cách tính từ điểm gần nhất của thiết bị hỗ trợ kiểm tra gầm tới mặt trong đầu hầm:	m		
5.4. Khu vực kiểm tra độ trượt ngang bánh xe				
	Khoảng cách hai điểm gần nhất tính từ thiết bị đo độ trượt ngang tới bộ thử phanh	m		
6	Dây chuyền số...			
7	Bãi đỗ xe ra vào:	m ²		
8	Chiều rộng mặt đường nội bộ tại vị trí nhỏ nhất	m		
9	Diện tích nhà văn phòng:	m ²		

...(3)... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu...

Đại diện đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

- (1) Gửi Sở giao thông vận tải;
- (2) Ghi tên tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm xe cơ giới (nếu có);
- (3) Ghi tên đơn vị đăng kiểm xe cơ giới kèm theo mã số.

Phụ lục IV
MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ MẶT BẰNG ĐƠN VỊ, XƯỞNG
KIỂM ĐỊNH, THIẾT BỊ THÔNG TIN LƯU TRỮ TRUYỀN SỐ LIỆU
VÀ TRANG THIẾT BỊ KHÁC

(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2023/TT-BGTVT ngày ... tháng ... năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BIÊN BẢN KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ
Mặt bằng đơn vị, xưởng kiểm định, thiết bị thông tin lưu trữ
truyền số liệu và trang thiết bị khác

Phương thức kiểm tra: *Lần đầu* *Định kỳ* *Bổ sung* *Đột xuất*

Ngày kiểm tra:

Địa điểm kiểm tra:

I. Mặt bằng đơn vị, xưởng kiểm định, bãi đỗ xe, nhà văn phòng, đường nội bộ

TT	Hạng mục kiểm tra	Yêu cầu	Kết quả kiểm tra	Đánh giá ⁽²⁾
1.	Diện tích mặt bằng xây dựng đơn vị ⁽¹⁾	$\geq 1.250 \text{ m}^2$ (đơn vị đăng kiểm có một dây chuyền kiểm định loại I). $\geq 1.500 \text{ m}^2$ (đơn vị đăng kiểm có một dây chuyền kiểm định loại II). $\geq 2.500 \text{ m}^2$ (đơn vị đăng kiểm có 2 dây chuyền kiểm định). Đơn vị đăng kiểm có từ 03 dây chuyền kiểm định trở lên thì diện tích từ dây chuyền thứ 3 trở lên tăng thêm tương ứng cho mỗi dây chuyền không nhỏ hơn 625 m^2		
2.	Xưởng kiểm định			
	Kích thước thông xe tối thiểu (dài x rộng x cao) ⁽¹⁾	30 x 4 x 3,5 (m) dây chuyền loại I. 36 x 5 x 4,5 (m) dây chuyền loại II.		
	Khoảng cách giữa tâm các dây chuyền ⁽¹⁾	$\geq 4 \text{ m}$		
	Khoảng cách giữa tâm dây chuyền ngoài cùng đến mặt trong tường bao gần nhất của xưởng ⁽¹⁾	$\geq 2,5 \text{ m}$		

	Khu vực kiểm tra đèn chiếu sáng phía trước		
	Khu vực được đánh dấu trên sàn tối thiểu ⁽¹⁾	Dài $\geq 4,5$ m, rộng $\geq 2,5$ m (Đối với dây chuyền loại I). Dài ≥ 14 m, rộng ≥ 3 m (Đối với dây chuyền loại II).	
3.	Khoảng trống trước màn hình đo đèn ⁽¹⁾	≥ 1 m	
	Độ bằng phẳng	Không vượt quá ± 6 mm so với mặt phẳng chuẩn	
	Đường ray di chuyển thiết bị kiểm tra đèn ⁽¹⁾ :	Độ dài đường ray ≥ 4 m. Lắp đặt có độ phẳng và song song với mặt phẳng đỡ xe	
	Khu vực kiểm tra phanh:		
4.	Khu vực đánh dấu trên sàn ⁽¹⁾	Dài $\geq 14,0$ m, rộng $\geq 3,5$ m (Đối với dây chuyền loại I). Dài ≥ 22 m, rộng ≥ 4 m (Đối với dây chuyền loại II).	
	Độ bằng phẳng ở khoảng cách tối thiểu 2,1 m phía trước và phía sau của đường trung tâm bộ thử phanh	Không vượt quá ± 6 mm so với mặt phẳng chuẩn	
	Khu vực kiểm tra gầm		
	Kích thước hầm ⁽¹⁾ : Chiều làm việc (L), chiều rộng miệng hầm (R), độ sâu (H).	$L \geq 6$ m; $0,6 \text{ m} \leq R \leq 1$ m; $1,3 \text{ m} \leq H \leq 1,75$ m (Đối với dây chuyền loại I). $L \geq 12$ m; $0,7 \text{ m} \leq R \leq 1,05$ m; $1,2 \text{ m} \leq H \leq 1,6$ m (Đối với dây chuyền loại II).	
5.	Số lượng lối lên xuống ⁽¹⁾	≥ 2	
	Chiều cao gờ bảo vệ ⁽¹⁾	≥ 25 mm	
	Khoảng cách tính từ điểm gần nhất của thiết bị hỗ trợ kiểm tra gầm, kích nâng tới đầu chiều dài làm việc hầm ⁽¹⁾	$\geq 1,5$ m	
6.	Khu vực kiểm tra độ trượt ngang bánh xe ⁽¹⁾ : Khoảng cách hai điểm gần nhất tính từ thiết bị đo độ trượt ngang tới bộ thử phanh	$\geq 0,8$ m (Đối với dây chuyền loại I). $\geq 2,8$ m (Đối với dây chuyền loại II).	
7.	Bãi đỡ xe ⁽¹⁾	Dành cho xe chờ kiểm định và xe đã kiểm định	
8.	Chiều rộng mặt đường nội bộ ⁽¹⁾	≥ 3 m	
9.	Nhà văn phòng	khu vực tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả kiểm định, lưu trữ hồ sơ; phòng chờ;	

		phòng làm việc của nhân viên và các phòng phụ trợ khác; được trang bị các thiết bị văn phòng phục vụ hoạt động kiểm định. bố trí chỗ ngồi cho khách hàng tại phòng chờ để có thể quan sát qua màn hình toàn bộ quá trình kiểm định của đăng kiểm viên		
10.	Nhà vệ sinh cho khách hàng	Có		

II. Thiết bị thông tin lưu trữ, truyền số liệu

TT	Hạng mục kiểm tra	Yêu cầu	Kết quả kiểm tra	Đánh giá (2)
1.	Chương trình phần mềm quản lý kiểm định	Có		
2.	Chương trình đánh giá kết quả kiểm định	Có		
3.	Khả năng nối mạng, truy cập, truyền và lưu trữ số liệu	Có		
4.	Địa chỉ IP tĩnh:.....	Có		

III. Trang thiết bị và nội dung khác

TT	Hạng mục kiểm tra	Yêu cầu	Kết quả kiểm tra	Đánh giá (2)
1.	Thiết bị văn phòng	Có		
2.	Camera, máy ảnh chụp ảnh xe cơ giới	Có hiển thị thời gian khi chụp ảnh		
3.	Camera IP giám sát và lưu trữ hình ảnh:	Có		
4.	Trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy	Đảm bảo theo quy định		
5.	Các biển hiệu, bảng biểu và các nội dung cần thông báo	ĐỐI CHIẾU MỤC 2.8 CỦA QCVN 103		
6.	Hệ thống âm thanh để thông báo cho chủ xe	Có		
7.	Hệ thống tiếp nhận thông tin đăng ký kiểm định	Có		
8.	Máy chủ và thiết bị kết nối mạng riêng ảo (VPN)	Có		
9.	Màn hình tại phòng chờ	Có trang bị tối thiểu 32 inch		
10.	Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 ⁽⁵⁾	Có		

IV. Diễn giải nội dung không đạt

.....
.....
V. Kết luận chung ⁽³⁾: Đạt yêu cầu Không đạt yêu cầu

Đại diện đơn vị đăng kiểm
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người kiểm tra ⁽⁴⁾
(Ký, ghi rõ họ tên)

Chú thích:

⁽¹⁾ - Ghi thông số kết quả kiểm tra lần đầu hoặc nếu có thay đổi (có bản vẽ kèm theo).

⁽²⁾ - Nếu kết quả kiểm tra đạt yêu cầu ghi “Đ”, không đạt ghi “KĐ”.

⁽³⁾ - Tích dấu “√” vào ô vuông tương ứng.

⁽⁴⁾ - Trường hợp có nhiều người kiểm tra thì những ai tham gia vào quá trình kiểm tra, đánh giá sẽ cùng ký.

⁽⁵⁾ - Áp dụng cho đơn vị đã hoạt động sau 18 tháng.

Phụ lục V
MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ
THIẾT BỊ KIỂM TRA, DỤNG CỤ KIỂM TRA
Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BGTVT ngày tháng năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BIÊN BẢN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ THIẾT BỊ

Phương thức kiểm tra: *Lần đầu* *Định kỳ* *Bổ sung* *Đột xuất*

Ngày kiểm tra:

Địa điểm kiểm tra:

I. Thông tin về thiết bị

1. Nhãn hiệu/Model:

2. Mã số/Số Serial:

3. Dây chuyền số:

4. Năm sản xuất/Nước sản xuất:

5. Số GCN/thời hạn tem:

II. Nội dung kiểm tra

A. Điều kiện lắp đặt ⁽¹⁾:

TT	Hạng mục kiểm tra	Yêu cầu	Kết quả kiểm tra	Đánh giá ⁽²⁾
1.	Vị trí kiểm tra			
2.			

B. Yêu cầu kỹ thuật ⁽¹⁾:

TT	Hạng mục kiểm tra	Yêu cầu	Kết quả kiểm tra	Đánh giá ⁽²⁾
1.			
2.			

C. Kiểm tra vận hành

TT	Hạng mục kiểm tra	Thông số chuẩn	Kết quả kiểm tra			Đánh giá ⁽²⁾
			Trái	Phải	Độ lệch	
1.	Tình trạng hoạt động					

2.	Độ chính xác ⁽⁵⁾					
3.					

III. Diễn giải nội dung không đạt

.....

IV. Tài liệu của thiết bị

- | | | |
|---|-----------------------------|-----------------------------------|
| 1. Chứng từ sở hữu ⁽¹⁾ : | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không có |
| 2. Tài liệu kỹ thuật ⁽¹⁾ : | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không có |
| 3. Sổ quản lý thiết bị ⁽⁴⁾ : | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không có |

- V. **Kết luận chung** ⁽³⁾: Đạt yêu cầu Không đạt yêu cầu

Đại diện đơn vị đăng kiểm

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người kiểm tra ⁽⁶⁾

(Ký, ghi rõ họ tên)

Chú thích:

⁽¹⁾ - Chỉ kiểm tra lần đầu trừ nội dung tương ứng tại ⁽⁴⁾, các lần kiểm tra định kỳ được miễn kiểm tra nếu không có thay đổi;

⁽²⁾ - Nếu kết quả kiểm tra đạt yêu cầu ghi “Đ”, không đạt ghi “KĐ”;

⁽³⁾ - Tích dấu “√” vào ô vuông tương ứng;

⁽⁴⁾ - Hạng mục đánh giá cả lần đầu và định kỳ;

⁽⁵⁾ - Chỉ kiểm tra, đánh giá trong trường hợp không có tem kiểm định/hiệu chuẩn của tổ chức có thẩm quyền hoặc có cơ sở nghi ngờ về tình trạng hoạt động;

⁽⁶⁾ - Trường hợp có nhiều người kiểm tra thì những ai tham gia vào quá trình kiểm tra, đánh giá sẽ cùng ký.

Lưu ý:

Kiểm tra đột xuất, bổ sung hoặc kiểm tra sau khắc phục thì chỉ tiến hành kiểm tra, đánh giá các hạng mục có liên quan; các hạng mục khác được thừa hưởng kết quả của lần đánh giá liền kề trước đó.

Phụ lục VI**MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ NHÂN LỰC
VÀ VIỆC THỰC HIỆN QUY TRÌNH KIỂM ĐỊNH**

*Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BGTVT ngày tháng năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ
Nhân lực và việc thực hiện quy trình kiểm định

Được sự ủy quyền và phân công nhiệm vụ của Trưởng đoàn kiểm tra, hôm nay, ngày tháng năm tại đơn vị đăng kiểm mã số....., chúng tôi gồm:

1.;
2., Lãnh đạo đơn vị đăng kiểm xe cơ giới.

Đã tiến hành kiểm tra, đánh giá đơn vị đăng kiểm các nội dung sau:

1) Cơ cấu tổ chức, Nhân lực:

	Đạt	Không đạt
Cơ cấu tổ chức:		
+ Các quyết định thành lập:	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Hồ sơ nhân lực:		
+ Hợp đồng lao động (hoặc Quyết định tuyển dụng):	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
+ Chứng chỉ đăng kiểm viên:	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
+ Xác nhận tập huấn nhân viên nghiệp vụ:	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
+ Quyết định bổ nhiệm phụ trách bộ phận kiểm định:	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
+ Quyết định bổ nhiệm lãnh đạo đơn vị đăng kiểm:	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

2) Việc thực hiện quy trình, quy định trong công tác kiểm định³:

.....

3) Yêu cầu sửa chữa khắc phục:

.....

³ Sử dụng phương tiện phù hợp với từng loại dây chuyền để kiểm tra, đánh giá sự hoạt động của dây chuyền.

.....

4) Đề xuất, kiến nghị:

5) Kết luận:

- Nhân lực và việc thực hiện quy trình kiểm định đúng quy định đảm bảo điều kiện/duy trì điều kiện hoạt động kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.
- Nhân lực và việc thực hiện quy trình kiểm định không đảm bảo điều kiện/duy trì điều kiện hoạt động kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.

Biên bản đã được thông qua và lập thành 02 bản, 01 bản lưu tại đơn vị đăng kiểm, 01 bản gửi về Cục Đăng kiểm Việt Nam.

**Đơn vị đăng kiểm/Tổ chức
 thành lập đơn vị đăng kiểm**
(Ký, đóng dấu)

Đăng kiểm viên
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục VII**MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ VÀ DỮ LIỆU**

*Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BGTVT ngày tháng năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ**Hồ sơ và dữ liệu**

Được sự ủy quyền và phân công nhiệm vụ của Trưởng đoàn kiểm tra, hôm nay, ngày..... tháng..... năm..... tại Đơn vị Đăng kiểm xe cơ giới....., chúng tôi gồm:

1.;
2. Lãnh đạo Đơn vị đăng kiểm xe cơ giới.

Đã tiến hành đánh giá việc tuân thủ các quy định có liên quan trong công tác kiểm định của cá nhân, đơn vị thông qua kiểm tra xác suất hồ sơ và dữ liệu lưu trữ:

1. Kiểm tra hồ sơ:

.....
.....

2. Kiểm tra dữ liệu:

.....
.....

3. Yêu cầu sửa chữa khắc phục những vấn đề sau:

.....
.....

4. Kết luận:

Việc tuân thủ các quy định có liên quan trong công tác kiểm định của cá nhân, đơn vị thông qua kiểm tra xác suất hồ sơ và dữ liệu lưu trữ đúng quy định, đảm bảo duy trì hoạt động kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.

Việc tuân thủ các quy định có liên quan trong công tác kiểm định của cá nhân, đơn vị thông qua kiểm tra xác suất hồ sơ và dữ liệu lưu trữ không đảm bảo duy trì hoạt động kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.

Biên bản đã được thông qua và lập thành 02 bản, 01 bản lưu tại đơn vị đăng kiểm, 01 bản gửi về Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Phụ lục VIII
MẪU BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ SỔ THEO DÕI, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO
VÀ QUẢN LÝ SỬ DỤNG ẮN CHỈ
Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BGTVT ngày tháng năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ

Sổ theo dõi, chế độ báo cáo và quản lý, sử dụng ắn chỉ

Được sự ủy quyền và phân công nhiệm vụ của Trưởng đoàn kiểm tra, hôm nay, ngày..... tháng..... năm....., tại Đơn vị đăng kiểm xe cơ giới mã số....., chúng tôi gồm:

1.;
2., Lãnh đạo Đơn vị đăng kiểm xe cơ giới.

Đã tiến hành kiểm tra, đánh giá Sổ theo dõi, chế độ báo cáo và quản lý, sử dụng ắn chỉ đơn vị từ ngày..... đến ngày:.....:

1. Sổ sách theo dõi, biểu mẫu:

.....

2. Quản lý, sử dụng ắn chỉ:

.....

3. Chế độ báo cáo, truyền số liệu:

.....

4. Kiểm kê ắn chỉ:

Stt	Loại ắn chỉ/danh mục	Số lượng	Từ series	Đến series	Ghi chú
1	Loại ắn chỉ				
	- Tồn kỳ trước				
	- Nhận mới trong kỳ				
	- Sử dụng ^(*)				
	- Hư hỏng				
	- Tồn cuối kỳ				
Số series hỏng:					
Ghi chú:					

.....

5) Hủy ấn chỉ hỏng, ấn chỉ không còn giá trị sử dụng:

- Đã hủy các ấn chỉ hỏng trong bản kê theo bảng trên;
 - Hủy các ấn chỉ không còn giá trị sử dụng gồm:
-
-

6) Nội dung cần khắc phục:

.....

.....

7) Kết luận:

- Sổ theo dõi, chế độ báo cáo và quản lý, sử dụng ấn chỉ đúng quy định, đảm bảo duy trì điều kiện hoạt động kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.
- Sổ theo dõi, chế độ báo cáo và quản lý, sử dụng ấn chỉ không đảm bảo duy trì hoạt động kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.

Biên bản đã được thông qua và lập thành hai bản, một bản lưu tại đơn vị đăng kiểm, một bản gửi về Sở Giao thông vận tải.

**Đơn vị đăng kiểm/Tổ chức
thành lập đơn vị đăng kiểm**
(Ký, đóng dấu)

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(*): Không bao gồm ấn chỉ hỏng.

Phụ lục IX
MẪU BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BGTVT ngày tháng năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Đơn vị ĐK XCG...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng..... năm...

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH

(Từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...)

Kính gửi:

Đơn vị đăng kiểm xe cơ giới

Địa chỉ:..... ĐT:..... FAX:.....

Báo cáo tình hình hoạt động trong kỳ (từ ngày..... đến ngày.....) như sau:

1. Diện tích đơn vị đăng kiểm, nhà xưởng, bãi đỗ xe:

(Không/có thay đổi so với kỳ kiểm tra, đánh giá lần trước - yêu cầu ghi rõ những thay đổi nếu có).

2. Thiết bị kiểm định, dụng cụ kiểm tra:

- Số dây chuyên:

- Thiết bị kiểm định, dụng cụ kiểm tra bổ sung trong kỳ:

- Tình trạng hoạt động hiện tại của thiết bị:

3. Thiết bị thông tin lưu trữ và truyền số liệu:

- Thiết bị bổ sung trong kỳ:

- Tình trạng hoạt động hiện tại của thiết bị:

4. Các trang thiết bị khác:

- Trang thiết bị kiểm định bổ sung trong kỳ:

- Tình trạng hoạt động hiện tại của trang thiết bị:

- Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: *(có/không)*.....

5. Nhân lực của đơn vị đăng kiểm: *(lập danh sách theo mẫu Phụ lục II của Thông tư này)*

6. Thực hiện quy trình:

- Nêu đầy đủ các vi phạm, kỷ luật của đơn vị, cá nhân (nếu có) trong kỳ báo cáo.

7. Sổ theo dõi, chế độ báo cáo và quản lý, sử dụng ấn chỉ kiểm định:

- Các loại sổ theo quy định: (đủ/thiếu)

- Việc ghi chép thông tin trong các sổ: (đủ/thiếu)

- Sử dụng và cấp phát ấn chỉ:

8. Thực hiện thanh toán:

- Thanh toán tiền ấn chỉ kiểm định: (đủ/thiếu)

- Thanh toán tiền kiểm tra thiết bị: (đủ/thiếu)

- Thanh toán các khoản khác: (đủ/thiếu)

9) Kiểm kê ấn chỉ:

1. Loại ấn chỉ:	2.....
Số lượng tồn kỳ trước:.....	Số lượng tồn kỳ trước:.....
Số lượng nhận mới trong kỳ:.....	Số lượng nhận mới trong kỳ:.....
Số lượng sử dụng:.....	Số lượng sử dụng:.....
Số lượng hỏng:.....	Số lượng hỏng:.....
Số lượng tồn:.....	Số lượng tồn:.....
Từ số..... đến số.....	Từ số..... đến số.....

10) Đề nghị của đơn vị đăng kiểm:

.....

ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM
(Ký, đóng dấu)

Phụ lục X
MẪU GIẤY XÁC NHẬN HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH TẬP HUẤN LÝ THUYẾT NGHIỆP
VỤ ĐĂNG KIỂM VIÊN XE CƠ GIỚI
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BGTVT ngày tháng năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

GIẤY XÁC NHẬN
HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH TẬP HUẤN

Cấp theo Thông tư số:..../TT-BGTVT ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới và Nghị định số 30/2023/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh

Nơi sinh:

Đơn vị công tác:

Đã hoàn thành khoá tập huấn:

LÝ THUYẾT NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM VIÊN XE CƠ GIỚI

Kết quả:

Thời gian – địa điểm: **Từ ngày**÷ .../.... **tại**

Số GXN

Hà Nội, ngày.....thángnăm....

..... (1)

(1): Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc cơ quan trực thuộc được uỷ quyền thực hiện

Phụ lục XI
MẪU GIẤY XÁC NHẬN HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH TẬP HUẤN
NHÂN VIÊN NGHIỆP VỤ KIỂM ĐỊNH XE CƠ GIỚI
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BGTVT ngày tháng năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

GIẤY XÁC NHẬN
HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH TẬP HUẤN

Cấp theo Thông tư số:..../TT-BGTVT ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới và Nghị định số 30/2023/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh

Nơi sinh:

Đơn vị công tác:

Đã hoàn thành khoá tập huấn:

NHÂN VIÊN NGHIỆP VỤ KIỂM ĐỊNH XE CƠ GIỚI

Thời gian – địa điểm: **Từ ngày**÷ .../.... **tại**

Số GXN

Hà Nội, ngày.....thángnăm....

..... (1)

(1): Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc cơ quan trực thuộc được uỷ quyền thực hiện

Phụ lục XII
**GIẤY XÁC NHẬN HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ KIỂM TRA,
ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH XE CƠ GIỚI**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BGTVT ngày tháng năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

GIẤY XÁC NHẬN
HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH TẬP HUẤN

Cấp theo Thông tư số:..../TT-BGTVT ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới và Nghị định số 30/2023/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh

Nơi sinh:

Đơn vị công tác:

Đã hoàn thành khoá tập huấn:

**NGHIỆP VỤ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG
KIỂM ĐỊNH XE CƠ GIỚI**

Kết quả:

Thời gian – địa điểm: **Từ ngày**÷ .../.... **tại**

Số GXN

Hà Nội, ngày.....thángnăm....

..... (1)

(1): Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc cơ quan trực thuộc được uỷ quyền thực hiện